

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày: 01/01/2017 đến ngày: 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.421.552.101	1.201.126.838
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.026.205.350	5.878.417.500
- Các khoản dự phòng	03	4.661.708.317	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(176.304.717)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(194.683.151)	(353.971.956)
- Chi phí lãi vay	06	2.056.458.368	2.885.343.943
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.971.240.985	9.434.611.608
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	17.037.261.921	(6.635.858.566)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.995.071.484	(4.010.418.735)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.296.951.142)	(16.077.631.031)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	216.718.221	9.232.726.677
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.056.458.368)	(2.885.343.943)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(334.500.000)	(374.357.284)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(586.004.126)	(777.073.133)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	27.946.378.975	(12.093.344.407)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.054.714.491)	(1.992.709.999)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.168.409.091	50.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	57.101.560	343.224.635
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(829.203.840)	(1.599.485.364)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	62.147.357.169	69.434.945.097
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(72.374.284.794)	(68.048.681.895)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.226.927.625)	1.386.263.202
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	16.890.247.510	(12.306.566.569)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.362.829.459	31.493.091.311
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	176.304.717
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	36.253.076.969	19.362.829.459

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Minh Huệ

Trần Thị Đức Hậu



Kim Quang Minh